TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 234/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17/3/2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Doãn Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Thái Thục Hiền

2/ Ông Đoàn Văn Rỹ

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hứa Hồng Đào – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Ông Phan Xuân Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 959/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Ch, sinh năm 1978

Địa chỉ thường trú: số 3 thôn AHB III, xã NK, huyện TN, tỉnh QN.

Địa chỉ tạm trú: số 329 LHP, Phường P, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1976

Địa chỉ thường trú: số 3 thôn AHB III, xã NK, huyện TN, tỉnh QN.

Địa chỉ tạm trú: số 329 LHP, Phường P, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện đề ngày 13/7/2022 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn – bà Bùi Thị Ch trình bày: Bà và ông Nguyễn Thanh H chung sống có đăng ký kết hôn vào năm 1996 tại Ủy ban nhân dân xã NK, huyện TN, tỉnh QN theo Giấy chứng nhận kết hôn số 07, quyển số 1/96 ngày 05/02/1996. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do hai bên bất đồng quan điểm, ông H không quan tâm gia đình con cái; bà đã cho ông H nhiều cơ hội hàn gắn gia đình nhưng không có kết quả. Cuộc sống hôn nhân của bà và ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn; cả hai hiện đang sống ly thân. Do tình cảm vợ chồng không còn, gia đình không hạnh phúc nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Thanh H.

Về con chung: Bà và ông H có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thu H1, sinh ngày 13/7/1996; Nguyễn Tấn H2, sinh ngày 12/6/1998. Hiện nay, các con chung đã thành niên.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong thời gian chung sống bà và ông H không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến Tòa án để tự khai, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng ông Nguyễn Thanh H không đến Tòa án theo giấy triệu tập và cũng không có bất kỳ văn bản nào phản hồi yêu cầu khởi kiện của bà Ch nên Tòa án không thể thu thập được lời khai của ông H.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn - bà Bùi Thị Ch có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa

Bị đơn – ông Nguyễn Thanh H vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Riêng bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn theo quy định tại các Điều 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Bùi Thị Ch và ông Nguyễn Thanh H có đăng ký kết hôn, bà Ch yêu cầu ly hôn với ông H, xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình về "tranh chấp ly hôn".

Hiện nay, bị đơn là ông Nguyễn Thanh H đang cư trú tại Quận 8 (Theo kết quả xác minh của Công an Phường P, Quận 8) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Bùi Thị Ch có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt bà Ch.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh H, Tòa án đã triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng ông H vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt ông H.

[3] Về yêu cầu của các đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 07, Quyển số 1/96 do Ủy ban nhân dân xã NK, huyện TN, tỉnh QN cấp ngày 05/02/1996, cùng lời khai của bà Ch về việc các đương sự tự nguyện kết hôn với nhau, nên đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa bà Ch và ông H là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Ch: Trong quá trình chung sống, bà Ch và ông H xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không có sự cảm thông, chia sẻ với nhau; ông H không quan tâm, chăm sóc vợ con. Bà Ch đã nhiều lần cho ông H cơ hội sửa đổi bản thân, để vợ chồng hàn gắn nhưng không đạt được kết quả mà tình trạng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Vợ chồng bà đã không còn quan tâm đến nhau, sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Bà Ch xác định vợ chồng không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân với ông H.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân chỉ đạt được mục đích trên cơ sở yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ các công việc trong gia đình, đồng thời vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau. Bà Ch và ông H đã không tôn trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, Tòa án đã cho ông H và bà Ch thời gian để các bên giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn gia đình nhưng không có kết quả, bà Ch vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với ông H. Do đó, việc chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Ch là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Bà và ông H có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thu H1, sinh ngày 13/7/1996; Nguyễn Tấn H2, sinh ngày 12/6/1998. Hiện nay, các con chung đã

thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Ch xác định bà và ông H không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà Ch phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Ch về việc xin ly hôn với ông Nguyễn Thanh H.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Ch được ly hôn với ông Nguyễn Thanh H (Giấy chứng nhận kết hôn số 07, Quyển số 1/96 do Ủy ban nhân dân xã NK, huyện TN, tỉnh QN cấp ngày 05/02/1996).

- Về con chung: Bà Ch và ông H có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thu H1, sinh ngày 13/7/1996; Nguyễn Tấn H2, sinh ngày 12/6/1998. Các con chung đã thành niên.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự tự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà Bùi Thị Ch phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Ch đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0017292 ngày 29/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Ch đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Bùi Thị Ch, ông Nguyễn Thanh H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND.TPHCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- UBND xã NK, huyện TN, tỉnh QN;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

Doãn Thị Nga